



NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM: Từ “trụ đỡ” an sinh đến “bệ phóng” phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới

GS.TS.NGND.TRẦN ĐỨC VIÊN, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Năm 2025 đã khép lại với những con số ấn tượng về kinh tế - xã hội của đất nước, cũng là năm đánh dấu một cột mốc lịch sử với ngành nông nghiệp và môi trường (NN&MT) bằng những kỷ lục chưa từng có về xuất khẩu và sự chuyển mình mạnh mẽ trong cơ cấu ngành hàng nông sản chủ lực. Đây cũng là dịp để chúng ta nhìn lại chặng đường phát triển của ngành trong 5 năm qua để định hình cho bước phát triển tiếp về “Tam nông” theo tinh thần của Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV.

1. NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM NĂM 2025: KỶ TÍCH, BẢN LĨNH VÀ KHÁT VỌNG VƯỜN XA *Kỷ lục kim ngạch xuất khẩu nông sản*

Thành tựu ấn tượng nhất là tổng kim ngạch xuất khẩu nông - lâm - thủy sản đã vượt mốc 70 tỷ USD (ước đạt khoảng 70,09 tỷ USD), mức cao nhất từ trước đến nay (tăng khoảng 12% so với năm 2024), vượt xa mục tiêu 65 tỷ USD mà Chính phủ giao, mặc dù trong bối cảnh thiên tai và biến động thị trường toàn cầu. Xuất siêu (thặng dư thương mại) đạt trên 20 tỷ USD (nhiều số liệu cho thấy con số này là 21 tỷ USD), chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá trị xuất siêu của toàn bộ nền kinh tế, tiếp tục khẳng định vai trò là “trụ đỡ” của nền kinh tế, “tấm đệm” quan trọng giúp ổn định tỷ giá và dự trữ ngoại hối quốc gia trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động [2].

Sự trỗi dậy của các nhóm hàng “tỷ đô” và “giảm sút tương đối” của mặt hàng lúa gạo

Năm 2025 chứng kiến sự đổi ngôi và bứt phá ngoạn mục của các mặt hàng chủ lực: Rau quả lần đầu tiên vượt mốc 8,5 tỷ USD (tăng gần 20% so với năm 2024), trong đó sầu riêng và các loại trái cây chế biến sâu là động lực chính giúp ngành hàng này xác lập vị thế mới. Bên cạnh đó, xuất khẩu lâm sản và gỗ vượt 18 tỷ USD, giữ vững “phong độ” là ngành hàng đóng góp ngoại tệ lớn nhất; xuất khẩu thủy sản vẫn tiếp tục lập kỷ lục trên 11 tỷ USD nhờ sự tăng trưởng bù đắp của mảng nuôi trồng và việc chuyển hướng sang thị trường khác (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản) để chuyển hướng khỏi thị trường Liên minh châu Âu (EU). Đây là những mặt hàng tiềm năng, đang hướng tới mục tiêu cao hơn với các thị trường khó tính như Mỹ, EU sau khi thẻ vàng IUU (cảnh báo do

Ủy ban châu Âu - EC) đưa ra đối với những quốc gia không tuân thủ quy định về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định) đã được gỡ bỏ.

Năm 2025 cũng được coi là năm có sự sụt giảm đáng kể của xuất khẩu gạo sau khi lập đỉnh lịch sử vào năm 2024. Kim ngạch xuất khẩu gạo năm 2025 chỉ đạt khoảng 4,1 tỷ USD, giảm 27,6% so với mức kỷ lục 5,7 tỷ USD của năm 2024. Về sản lượng, xuất khẩu đạt khoảng 8,06 triệu tấn, giảm 10,8% so với con số hơn 9 triệu tấn (năm 2024); giá xuất khẩu bình quân cũng sụt giảm mạnh, từ mức trên 600 USD/tấn (năm 2024) xuống còn 510 - 520 USD/tấn (năm 2025). Tuy nhiên, đây chỉ là bước “thụt lùi tương đối” do năm 2024 là một “ngoại lệ” khi thế giới khủng hoảng nguồn cung [5].

Nguyên nhân của sự sụt giảm này có thể là do: (i) Sự quay lại của Ấn Độ với động thái nói lỏng lệnh cấm xuất khẩu, một lượng cung giá rẻ khổng lồ tràn ra thị trường, kéo mặt bằng giá gạo toàn cầu đi xuống. Vì vậy, gạo Việt Nam bị mất lợi thế cạnh tranh về giá ở phân khúc gạo trắng thông dụng; (ii) Một số thị trường nhập khẩu lớn như Philippines, Indonesia đã thay đổi chính sách (tăng thuế nhập khẩu hoặc đa dạng hóa nguồn cung; khuyến khích tự túc lương thực...) để tránh phụ thuộc vào một nguồn; (iii) Cầu yếu do năm 2024 các nước ồ ạt nhập khẩu gạo, dẫn đến nhịp độ mua năm 2025 sụt giảm do kho dự trữ đã đầy.

Việc thụt lùi trong xuất khẩu gạo năm 2025 là sự điều chỉnh tất yếu của thị trường sau cơn sốt giá ảo năm 2024. Kim ngạch giảm sâu (~ 1,6 tỷ USD “bốc hơi”), chỉ là lợi nhuận siêu ngạch của năm 2024 đã không còn. Dù sụt giảm so với 2024, nhưng con số 8 triệu tấn vẫn là mức cao so với trung bình nhiều năm trước đó (thường chỉ khoảng 6 - 7 triệu tấn). Do đó, đây được xem là sự điều chỉnh về trạng thái bình thường hơn là một cuộc khủng hoảng sản xuất. Mặt khác, chúng ta cũng không nên gượng sức để giữ “ngôi” cường quốc xuất khẩu gạo nhất nhì thế giới, vì đây là mặt hàng có giá trị thặng dư không cao, lại là ngành sản xuất thải ra môi trường nhiều khí nhà kính (KNK) nhất. Vấn đề là, người nông dân Việt Nam coi trồng lúa ở vùng thấp và trồng cà phê ở vùng cao là những nghề “thuận tay”, họ thực sự là những nghệ nhân, nhưng để chuyển sang trồng cây khác, nuôi con



khác, ít phát thải KNK, có giá trị thặng dư cao hơn, rất cần “bà đỡ” là chính sách của Nhà nước và trách nhiệm công dân, doanh nghiệp (DN).

Kiên cường vượt qua thiên tai

Năm 2025 được ghi nhận có nhiều thiên tai khốc liệt, gây thiệt hại to lớn về kinh tế và ổn định xã hội. Tuy nhiên, ngành NN&MT đã thể hiện sức chống chịu phi thường, thể hiện qua việc tiếp tục duy trì đà tăng trưởng dương (giá trị gia tăng toàn ngành tăng khoảng 3,78%, nhiều tài liệu cho biết con số này là 4%); đảm bảo nguồn cung lương thực - thực phẩm ổn định trong nước ngay cả trong giai đoạn bão lũ đỉnh điểm.

Chuyển đổi số và nông nghiệp xanh

Dư nợ tín dụng xanh cho nông nghiệp tăng trưởng mạnh, ước tính đạt hàng trăm nghìn tỷ đồng, hỗ trợ nông dân chuyển đổi sang các mô hình canh tác, nuôi trồng bền vững hơn, điển hình là hiệu quả của mô hình 1 triệu ha lúa phát thải thấp (PTT), lợi nhuận cao. Đồng thời, 90 sản phẩm nông nghiệp được vinh danh “Thương hiệu Vàng nông nghiệp Việt Nam”, khẳng định chất lượng cũng như uy tín trên trường quốc tế của các ngành hàng nông sản OCOP trên cả 3 khu vực: Sản phẩm quốc gia, sản phẩm vùng miền và sản phẩm địa phương [3].

Năm 2025 không chỉ là năm của những con số kỷ lục, mà còn là năm bản lề cho một nền nông nghiệp hiện đại, tích hợp đa giá trị và bền vững; năm khẳng định sự chuyển mình từ tư duy “SXNN” sang “kinh tế nông nghiệp”, từ “lượng” sang “chất”.

2. CHẶNG ĐƯỜNG 5 NĂM

TỪ “TRỤ ĐỖ” ĐẾN “ĐỘNG LỰC” TĂNG TRƯỞNG

Nhìn lại chặng đường 5 năm (từ 2021 - 2025), đặc biệt là giai đoạn tăng tốc sau khi Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được ban hành, nền nông nghiệp Việt Nam đã đạt được những bước phát triển ngoạn mục, mang tính đột phá. Nghị quyết đã nâng tầm tư duy chiến lược về lĩnh vực “Tam nông”, thể hiện khát vọng vươn mình của dân tộc, với “Tam giác chức năng”: “Nông nghiệp sinh thái (NNST)”, “nông thôn hiện đại”, “nông dân văn minh”, trong đó xác định vai trò chiến lược: Nhà nước là nền tảng, không chỉ là “trụ đỡ”, mà còn là “lợi thế quốc gia”, tập trung vào sự chuyển đổi mang tính cách mạng về tư duy: Chuyển từ sản xuất nông nghiệp (SXNN) thuần túy sang kinh tế nông nghiệp xanh (NNX), tuần hoàn, tích hợp đa giá trị; nông thôn là địa bàn chiến lược quan trọng; nông dân vừa là chủ thể, vừa là trung tâm của quá trình phát triển. Những “con số biết nói” trong 5 năm qua cho thấy, từ vai trò “trụ đỡ”, nông nghiệp Việt Nam đã vươn lên trở thành động lực tăng trưởng quan trọng với diện mạo hoàn toàn mới: Hiện đại, minh bạch, giá trị gia tăng ngày càng cao và bền vững; hình thành đội ngũ nông dân có tư duy mới, tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo (ĐMST), tự lực, tự cường, tự tin, tự hào cùng đất nước [1].

Có thể nói, nhìn lại 5 năm qua là một hành trình của ý chí và ĐMST, khẳng định mục tiêu chuyển đổi từ “lượng” sang “chất”, từ “tư duy sản xuất” sang “tư duy kinh tế nông nghiệp” với nhiều kết quả đột phá, thể hiện qua các dấu ấn lớn:

Tăng trưởng về chất lượng và hiệu quả kinh tế

Kết quả căn bản nhất là chúng ta đã chuyển tư duy từ lượng sang chất, với nhiều sản phẩm chế biến sâu, giá trị gia tăng cao, nâng cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích, đơn vị đầu tư, đơn vị ngày công. Sự chuyển dịch này được chứng minh bằng con số thực tế: Bản lĩnh trước thiên tai, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng (VA) toàn ngành duy trì ở mức cao, dự kiến cả năm 2025 đạt 3,78%, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra (năm 2020 là 2,90%).

Kỷ lục nối tiếp kỷ lục, xuất khẩu nông sản liên tục tăng: 53 tỷ USD (năm 2023); 62,5 tỷ USD (năm 2024), tăng 17,92%. Đáng chú ý, nếu cách đây 5 năm, khi Nghị quyết số 19-NQ/TW ra đời, con số 50 tỷ USD còn là một thách thức, nhưng đến nay, nông nghiệp Việt Nam đã chính thức vượt mốc 70 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu. Nhiều mặt hàng có chỉ tiêu ấn tượng, điển hình như lâm sản (gỗ và sản phẩm gỗ) đạt khoảng 17,3 - 18,5 tỷ USD (là nhóm hàng đóng góp lớn nhất); thủy sản đạt khoảng 11,3 tỷ USD; rau quả trở thành điểm sáng

Năng suất lao động nông nghiệp của một số quốc gia trên thế giới

Quốc gia	1 nông dân nuôi được (người)	Đặc điểm chính
Hà Lan	~ 150 - 200	KH&CN: Công nghệ nhà kính, công nghệ giống, xuất khẩu toàn cầu
Israel	~ 95 - 100	KH&CN: Công nghệ tưới tiêu, chinh phục sa mạc
Mỹ	~ 166	KH&CN: Quy mô đại diện, cơ giới hóa và tự động hóa cao
Hàn Quốc	~ 40 - 50*	KH&CN: Chuyên canh giá trị cao (sâm, trái cây), nhưng nhập khẩu lúa mì/ngũ cốc nhiều
Việt Nam	~ 3 - 5	Đang chuyển dịch từ số lượng sang chất lượng



với 8,5 - 8,6 tỷ USD; cà phê lần đầu tiên vượt mốc 8 tỷ USD (khoảng 8,5 tỷ USD); gạo đạt khoảng 3,7 tỷ USD... đưa tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành giai đoạn 5 năm vượt xa kế hoạch.

Mặt khác, ngành nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò trụ đỡ và tiến tới vai trò là “bệ phóng” của nền kinh tế với mức xuất siêu (thặng dư thương mại) đạt trên 20 tỷ USD (một số nguồn ước đạt khoảng 21 tỷ USD). Con số này đóng góp rất lớn vào việc ổn định kinh tế vĩ mô và cân đối cán cân thương mại, đồng thời là minh chứng rõ nét cho việc nâng cao hiệu quả trên từng đơn vị diện tích và giá trị sản phẩm. Ngoài ra, giá trị xuất khẩu nông sản “nằm lại” Việt Nam chiếm tỷ trọng rất lớn, ví dụ xuất khẩu 1.000 USD gạo thì giá trị người nông dân được hưởng là 700 - 750 USD, trong khi nhiều ngành hàng xuất khẩu khác con số này chỉ khoảng 20 USD hoặc thấp hơn.

Cơ cấu sản phẩm chuyển dịch mạnh sang giá trị cao

Việt Nam đã hình thành được danh mục sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh toàn cầu với 9 nhóm hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD như đề cập ở trên. Các mặt hàng này đáp ứng được tiêu chuẩn khắt khe của thị trường khó tính như EU, Mỹ, Nhật Bản, mở ra dư địa và tiềm năng lớn, do đó con số 100 tỷ USD cho năm 2026 là hoàn toàn có khả năng.

Cơ cấu ngành hàng có nhiều đột phá, xuất khẩu rau quả trở thành “ngôi sao sáng” mới khi lần đầu tiên vượt mốc 8 tỷ USD, “soán ngôi” nhiều mặt hàng truyền thống nhờ chiến lược chế biến sâu; gạo không chỉ giữ vững an ninh lương thực quốc gia, góp phần vào việc ổn định an ninh lương thực thế giới, mà đã được định vị ở phân khúc chất lượng và giá trị cao, đôi khi bỏ xa nhiều đối thủ cạnh tranh khác (tháng 10/2025, giá gạo ST25 đạt đỉnh 1.600 USD/tấn).

Lợi nhuận nhiều mặt hàng tăng cao, tiêu biểu như sầu riêng có mức lợi nhuận cao gấp 3 - 5 lần chi phí sản xuất; cà phê, hồ tiêu, gạo cao gấp 2 lần; có thời điểm xuất khẩu gạo sang Philipin mang lại lợi nhuận tới 400% so với chi phí sản xuất, góp phần xác lập mặt bằng giá mới trên thị trường gạo toàn cầu.

Hình thành nền nông nghiệp xanh và bền vững

Tư duy sản xuất đã thay đổi căn bản thông qua việc triển khai mạnh mẽ các mô hình NNST, tuần hoàn, chuyển đổi xanh đi vào thực chất. Đột phá nhất là Đề án “1 triệu ha lúa chất lượng cao, PTT”, không chỉ nâng cao giá trị hạt gạo mà còn giảm tới 4,6 tấn CO₂/ha/vụ, mở ra cơ hội thương mại tín chỉ các-bon. Hơn nữa, Việt Nam đã trở thành quốc gia tiên phong trên thế giới về sản xuất lúa gạo xanh, nông sản sạch, giá trị gia tăng cao, hướng tới thực hiện cam kết của Chính phủ tại COP26 về đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 cũng như các mục tiêu SDGs của Liên hợp quốc.

Nông dân và nông thôn mới

Chuyển đổi về chất cuối cùng phải đo bằng đời sống người dân. Người nông dân được “trí thức hóa” và ngày càng chuyên nghiệp hóa, không còn “trông trời trông đất trông mây” mà bắt đầu “trông vào dữ liệu” (data-driven), quản trị bằng dữ liệu. Tỷ lệ nông dân sử dụng điện thoại thông minh để quản lý canh tác, bán hàng qua thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt tăng vọt. Hình ảnh “nông dân số” livestream bán nông sản tại vườn đã trở nên phổ biến.

Thu nhập bình quân đầu người của lao động nông thôn liên tục tăng, nếu năm 2023 đạt 6,1 triệu đồng/người/tháng, thì đến năm 2024 đã tăng lên 6,7 triệu đồng, tương đương 9,84%; năm 2025 ước đạt khoảng 7,2 triệu đồng, tăng 7,46% so với năm 2024 và 1,5 lần so với năm 2020, đạt mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW đề ra. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm mạnh, từ 5,2% (năm 2021) xuống 1,93% (năm 2024) và 1,3% (năm 2025); bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc; văn hóa bản địa tiếp tục được bảo tồn, phát huy.

Cùng với đó, khoảng cách giữa nông thôn và thành thị được rút ngắn. Đến hết tháng 6/2025, tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) ước đạt gần 80% (sát nút mục tiêu 80% của năm 2025); nhiều xã đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Bên cạnh “điện đường trường trạm”, hạ tầng số với internet băng rộng và mạng 4G/5G đã phủ sóng đến hầu hết các xã, tạo nền tảng cho chuyển đổi số (CDS) nông nghiệp.

Đấu án thể chế: Bộ NN&MT

Thành tựu mang tính bước ngoặt về mặt tổ chức bộ máy trong năm 2025 là việc hình thành Bộ NN&MT, đã giải quyết bài toán chồng chéo trong quản lý đất đai, tài nguyên nước và sản xuất, tạo cơ chế “một cửa” thống nhất để phát triển NNST bền vững [4].

Như vậy, 5 năm qua là giai đoạn bản lề, nếu Nghị quyết số 19-NQ/TW là “bản thiết kế” mang tầm nhìn thời đại, thì kết quả năm 2025 nói riêng và cả giai đoạn 5 năm nói chung chính là “phần móng vững chắc” để Việt Nam tiến tới khát vọng trở thành “bếp ăn của thế giới”, với nhiều thương hiệu nông sản, tham gia tích cực và dẫn giữ vai trò thiết kế, kiến tạo nhu cầu, dẫn dắt nhiều chuỗi cung ứng nông sản uy tín trên toàn cầu kể từ sau năm 2030.

3. GIẢI PHÁP HƯỚNG TỚI NỀN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA GIÁ TRỊ GIA TĂNG CAO

Để hiện thực hóa mục tiêu xuất khẩu nông sản ít nhất 100 tỷ USD trong (năm 2026) và giữ đà tăng cao trong những năm tiếp theo, đưa Việt Nam lọt vào nhóm 10 quốc gia có nền nông nghiệp phát triển nhất thế giới (năm 2050), chúng ta cần một cuộc cách mạng về tư duy và tái cấu trúc ngành NN&MT với 6 trụ cột tích hợp.



Nông nghiệp Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ, hướng tới nền kinh tế xanh, tuần hoàn và bền vững

Giải pháp Logistics: Từ “vận chuyển đơn thuần” đến “chuỗi cung ứng lạnh thông minh”

Logistics hiện là điểm nghẽn lớn khiến chi phí sản xuất tăng cao và chất lượng nông sản giảm sút. Để giải quyết bài toán này, cần tư duy logistics là một hệ sinh thái (HST) chứ không đơn thuần chỉ là vận tải, cụ thể: (i) Phát triển chuỗi cung ứng lạnh, trong đó đầu tư mạnh vào hệ thống kho lạnh, xe lạnh, có thể bảo quản từ “đầu bờ” đến “bàn ăn”; (ii) Tận dụng hạ tầng chiến lược: Chuyển dịch từ xuất khẩu tiểu ngạch sang chính ngạch thông qua các cửa ngõ quốc tế. Cụ thể, khai thác cụm cảng nước sâu Cái Mép - Thị Vải và hệ thống cảng biển, cảng sông để đưa nông sản đi thẳng sang Âu - Mỹ - Nhật - Úc - Trung Đông mà không phải qua khâu trung chuyển; tận dụng sân bay Long Thành cùng hệ thống các sân bay khác cho mặt hàng tươi sống, giá trị cao cần tốc độ giao hàng nhanh; giảm chi phí trung gian; tận dụng tối đa hệ thống đường sắt liên vận, đường bộ cao tốc cho xuất khẩu nông sản sang thị trường tỷ dân; (iii) Số hóa Logistics: Ứng dụng công nghệ để tạo ra Hệ thống quản lý kho thông minh (WMS) và quản lý chuỗi cung ứng (SCM); xây dựng các trung tâm hậu cần nông sản quốc gia đóng vai trò như “hub” điều phối, phân loại, đóng gói đạt chuẩn quốc tế ngay tại vùng nguyên liệu.

Chính sách cho doanh nghiệp tư nhân

Kinh tế tư nhân được xác định là động lực tiên phong và trụ cột phát triển. Chính sách cần chuyển từ “hỗ trợ chung chung” sang “kiến tạo HST”, cụ thể: (i) Khuyến khích “DN chủ chuỗi”: Thông qua việc ban hành chính sách đặc thù cho những DN đóng vai trò “đầu tàu” như TH True Milk, Dabaco, Doveco, AgriS, Minh Phú..., những DN giữ vai trò tổ chức sản xuất, khuyến nông, là lực kéo và lực đẩy để hình thành vùng nguyên liệu, cung cấp công nghệ, bao tiêu đầu ra; (ii) Tài chính hóa nông nghiệp: Tạo hành lang pháp lý cho bảo hiểm nông nghiệp, trái phiếu nông nghiệp, quỹ tín dụng nông thôn. Điều này giúp dòng vốn xã hội chảy vào nông nghiệp một cách bài bản thay vì

phụ thuộc vào “tín dụng đen” hoặc sự bấp bênh của thương lái; (iii) Hỗ trợ Start-up Agri-tech: Tạo môi trường thử nghiệm, ưu đãi vốn cho DN khởi nghiệp công nghệ nông nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc và minh bạch thông tin.

Chính sách đất đai: Tích tụ

tập trung nhưng đảm bảo an sinh

Tích tụ ruộng đất quy mô lớn: Triển khai quyết liệt Luật Đất đai năm 2024 để thúc đẩy việc thuê, dồn điền đổi thửa, hình thành cánh đồng mẫu lớn, vùng chuyên canh công nghệ cao.

Ly nông bất ly hương: Giải quyết bài toán lao động dồi dào dư khi tích tụ đất đai bằng cách phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ và ngành nghề phi nông nghiệp khác ngay tại nông thôn. Nông dân chuyển từ làm ruộng sang làm công nhân trong nhà máy chế biến hoặc dịch vụ nông nghiệp tại địa phương; thu hút lao động trẻ và nhân tài ở lại với nông nghiệp, nông thôn.

Mô hình hợp tác xã kiểu mới: Nông dân vẫn giữ quyền sở hữu đất nhưng góp vốn bằng đất hoặc cho DN thuê để tham gia chuỗi giá trị theo quy chuẩn đồng nhất. Đây là cách “cởi trói” tư liệu sản xuất mà không làm mất tư liệu sinh hoạt của nông dân.

Tăng cường liên kết, hình thành hệ sinh thái “Kiềng ba chân”

Liên kết 4 nhà thực chất: Nhà nước (kiến tạo chính sách) - Nhà khoa học (cung cấp giải pháp) - DN (dẫn dắt thị trường) - Nông dân (thực hiện sản xuất), trong đó, DN đóng vai trò trung tâm kết nối. Mô hình liên kết lỏng lẻo hiện nay cần được thay thế bằng HST ràng buộc trách nhiệm và lợi ích. Cần chuyển 8 triệu hộ nông dân nhỏ lẻ thành chủ trang trại chuyên nghiệp. Người nông dân mới phải là những người có tri thức, kỹ năng quản trị, tư duy toàn cầu. Phải thực hiện chiến lược “Trí thức hóa nông dân” để họ tiên phong trong công nghệ và làm giàu, trở thành hình mẫu của “thanh nông tri điền”, thay thế “lão nông tri điền”.



Công nghệ hóa ngành nông nghiệp qua hình thành HST AgriTech ↔ FoodTech ↔ FinTech: Xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa công nghệ sản xuất (AgriTech); công nghệ chế biến (FoodTech); công nghệ tài chính (FinTech). Điều này tạo ra một vòng tròn khép kín: Sản xuất tốt ↔ Chế biến sâu ↔ Tài chính minh bạch và dồi dào.

Chia sẻ rủi ro và lợi ích: Thiết lập cơ chế “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” giữa DN và nông dân, đồng thời chấm dứt tình trạng “được mùa mất giá” hoặc DN bỏ cọc, nông dân “bê kèo”.

Mở rộng thị trường

Cần củng cố và tăng cường thị trường cũ, đa dạng hóa thị trường bằng cách mở thêm thị trường mới, tạo ra nhu cầu mới cho người tiêu dùng. Bên cạnh Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, cần mở rộng sang thị trường Halal (Tây Á, Trung Đông) và tận dụng cộng đồng người Việt ở nước ngoài làm cầu nối phân phối. Chấm dứt tư duy “buôn chuyển”, phụ thuộc vào một vài thị trường truyền thống; xác lập ngoại giao nông nghiệp là một trụ cột để đàm phán mở cửa thị trường, tháo gỡ rào cản kỹ thuật trong các hiệp định thương mại song phương, đa phương. Mặt khác, chú trọng thương mại điện tử xuyên biên giới, đẩy mạnh kết nối trực tiếp nông dân với thị trường quốc tế qua nền tảng số, giảm bớt khâu trung gian thương lái.

Khoa học và công nghệ: “Trí thức hóa” nông dân để bứt phá

Trí thức hóa nông dân: Biến nông dân thành “Thanh nông tri điền” - những người có tri thức, kỹ năng quản trị và làm chủ công nghệ. Đào tạo nông dân sử dụng smartphone để quản lý mùa vụ, bán hàng online là con đường ngắn nhất để trí thức hóa; chuyển từ hỗ trợ người nông dân trong sản xuất sang nâng cao năng lực và vị thế.

Công nghệ lõi và giống: Tập trung R&D vào công nghệ giống cây trồng, vật nuôi bản địa có giá trị cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; giảm sự phụ thuộc vào giống, vật tư nhập khẩu.

NNX và tuần hoàn: Ứng dụng công nghệ sinh học để giảm phát thải, xử lý phụ phẩm nông nghiệp. Điển hình là đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao, PTT, hướng tới bán tín chỉ các-bon.

Cơ chế “Khoán 10” cho khoa học công nghệ: Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST, CDS quốc gia, coi đây là cú hích cởi trói cho nhà khoa học, chuyển từ nghiên cứu “trên giấy” sang nghiên cứu cứu tạo ra giá trị thực tiễn, làm giàu cho đất nước.

Hướng tới tương lai: Nông nghiệp xanh và khát vọng Việt Nam

Trong bối cảnh thế giới đã chuyển dịch sang nền kinh tế xanh, giảm phát thải, Việt Nam đang tiên phong với Đề án “1 triệu ha lúa chất lượng cao, PTT”

tại đồng bằng sông Cửu Long, giảm tới 4,6 tấn CO₂/ha/năm; nông dân không chỉ bán gạo mà còn bán tín chỉ các-bon. Đây là minh chứng cho việc biến thách thức thành lợi thế cạnh tranh.

KẾT LUẬN

Nông nghiệp được Đảng khẳng định là lợi thế quốc gia và Bác Hồ cũng đã dạy “Nông dân ta giàu thì nước ta giàu, nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh”. Nông nghiệp Việt Nam không thiếu tiềm năng mà chỉ thiếu một “giấc mơ lớn” và sự quyết liệt để thay đổi. Đại hội lần thứ XIV của Đảng đặt ra “giấc mơ lớn” với quyết tâm chính trị rất cao: Nông nghiệp Hà Lan, Israel có diện tích khiêm tốn, điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt nhưng đã tạo lập nên kỳ tích thì Việt Nam hoàn toàn có thể làm được và sẽ làm tốt hơn. Con đường phía trước không phải là bỏ qua nông nghiệp để chạy theo công nghiệp, mà là công nghiệp hóa nông nghiệp. Khi ấy, nông nghiệp sẽ không chỉ là “trụ đỡ” lúc gian khó, mà sẽ là “bệ phóng”, đưa kinh tế Việt Nam ra “mặt tiền” của thế giới, sánh vai với các cường quốc năm châu. Nguồn lực bắt nguồn từ tư duy, động lực bắt nguồn từ ĐMST, sức mạnh bắt nguồn từ lòng dân và DN. Đã đến lúc đánh thức tiềm năng đang ngủ quên để nông nghiệp Việt Nam thực sự cất cánh trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Tuy nhiên, ngay thời điểm này, nông nghiệp Việt Nam cần có những giải pháp đồng bộ: Hạ tầng đi trước, thể chế mở đường, DN dẫn dắt và nông dân chuyên nghiệp hóa. Tất cả phải giữ vững tinh thần đoàn kết, tư duy thị trường, nâng cao trách nhiệm xã hội cho một kỷ nguyên phát triển bứt phá, đưa Việt Nam trở thành “Trung tâm chế biến nông sản” và “bếp ăn của thế giới” ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương, 2022. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hà Nội: Cổng thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Báo NN&MT, 2026. Nông nghiệp là trụ đỡ và động lực mới phát triển đất nước. (<https://nongnghiepmoitruong.vn/nong-nghiep-la-tru-do-va-dong-luc-moi-phat-trien-dat-nuoc-d791989.html>).
3. Chính phủ Việt Nam, 2024. Đề án Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và PTT gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030. Hà Nội. Cổng thông tin điện tử Chính phủ.
4. Chính phủ Việt Nam, 2024. Quyết định thành lập Bộ NN&MT. Hà Nội: Cổng thông tin điện tử Chính phủ.
5. Bộ NN&MT, 2025. Báo cáo đánh giá kết quả công tác năm 2025, giai đoạn 2021 - 2025 và triển khai kế hoạch năm 2026 của ngành NN&MT. Cổng thông tin điện tử Bộ NN&MT.